



Flashcardo.com

Mamy nadzieję, że te karty do wydruku będą dla Ciebie przydatne. Aby znaleźć jeszcze więcej produktów z kartami, odwiedź naszą stronę internetową www.flashcardo.com/pl. Na Flashcardo.com udostępniamy karty online, karty do nauki metodą powtórek rozłożonych w czasie, karty wideo i wiele więcej. Wszystko za darmo i gotowe do użycia przez uczniów na całym świecie.

Prawa autorskie, informacje o licencji

Ten plik PDF jest chroniony prawem autorskim i wszelkie prawa są zastrzeżone. Możesz swobodnie udostępniać ten plik PDF innym osobom. Nie wolno jednak sprzedawać tego pliku PDF ani jego treści. Jeśli masz jakiegokolwiek pytania, odwiedź www.flashcardo.com/pl, aby się z nami skontaktować. Dziękujemy!

Zastrzeżenie odpowiedzialności

TEN PLIK PDF JEST UDOSTĘPNIANY „TAK JAK JEST”, BEZ ŻADNEJ GWARANCJI, WYRAŻONEJ LUB DOROZUMIANEJ, W TYM MIĘDZY INNYMI GWARANCJI PRZYDATNOŚCI HANDLOWEJ, PRZYDATNOŚCI DO OKREŚLONEGO CELU ORAZ BRAKU NARUSZEŃ. W ŻADNYM WYPADKU AUTORZY ANI WŁAŚCICIELE PRAW AUTORSKICH NIE PONOSZĄ ODPOWIEDZIALNOŚCI ZA ŻADNE ROSZCZENIA, SZKODY ANI INNE ZOBOWIĄZANIA, CZY TO W RAMACH UMOWY, DELIKTU LUB INACZEJ, WYNIKAJĄCE Z, LUB W ZWIĄZKU Z, TYM PLIKIEM PDF, JEGO UŻYTKOWANIEM LUB INNYMI DZIAŁANAMI ZWIĄZANYMI Z TYM PLIKEM PDF.

Prawa autorskie © 2025 Flashcardo.com. Wszelkie prawa zastrzeżone

Druk dwustronny

Pamiętaj, że te karty są przeznaczone do druku dwustronnego. Jeśli Twoja drukarka nie obsługuje druku dwustronnego, pobierz pliki PDF z pojedynczymi kartami do wydruku.

Podstawy

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

on

ty

ja

my

ono

ona

co

oni / one

wy

dłaczego

gdzie

kto

kiedy

który

jak

naprawdę

gdyby

następnie

nie

ponieważ

ale

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

wszystko

tamto

to

tutaj

i

lub

prawo

lewo

tam

przedpołudnie

popołudnie

teraz

wieczór

rano

noc

godzina

północ

południe

dzień

sekunda

minuta

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

rok

miesiąc

tydzień

jutro

dzisiaj

wczoraj

środa

wtorek

poniedziałek

sobota

piątek

czwartek

mężczyzna

kobieta

niedziela

dziewczyna

chłopak

miłość

seks

pocałunek

przyjaciel

trẻ em

con gái
đại cương

con trai
đại cương

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

chłopiec

dziewczynka

dziecko

matka

tata

mama

syn

rodzice

ojciec

młodszy brat

młodsza siostra

córka

mąż

starszy brat

starsza siostra

zawsze

każdy

żona

już

jeszcze raz

faktycznie

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

więcej

najwięcej

mniej

na zewnątrz

bardzo

żaden

blisko

daleko

wewnątrz

obok

ponad

pod

wszyscy

tył

przód

wiosna

inny

razem

zima

jesień

lato

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

marzec

luty

styczeń

czerwiec

maj

kwiecień

wrzesień

sierpień

lipiec

grudzień

listopad

październik

południe

wschód

północ

natychmiast

często

zachód

mimo że

nagle

Liczby

không

một

hai

ba

bốn

năm

sáu

bảy

tám

chín

mười

mười một

mười hai

mười ba

mười bốn

mười năm

mười sáu

mười bảy

mười tám

mười chín

hai mươi

2	1	0
5	4	3
8	7	6
11	10	9
14	13	12
17	16	15
20	19	18

hai mươi mốt

hai mươi hai

hai mươi sáu

ba mươi

ba mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi bảy

bốn mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi bốn

bốn mươi tám

năm mươi

năm mươi mốt

năm mươi lăm

năm mươi chín

sáu mươi

sáu mươi mốt

sáu mươi hai

sáu mươi sáu

bảy mươi

bảy mươi mốt

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

bảy mươi ba

bảy mươi bảy

tám mươi

tám mươi mốt

tám mươi bốn

tám mươi tám

chín mươi

chín mươi mốt

chín mươi lăm

chín mươi chín

một trăm

một trăm linh một

một trăm linh năm

một trăm mười

một trăm năm mươi mốt

hai trăm

hai trăm linh hai

hai trăm linh sáu

hai trăm hai mươi

hai trăm sáu mươi hai

ba trăm

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

ba trăm linh ba

ba trăm linh bảy

ba trăm ba mươi

ba trăm bảy mươi ba

bốn trăm

bốn trăm linh bốn

bốn trăm linh tám

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm tám mươi bốn

năm trăm

năm trăm linh năm

năm trăm linh chín

năm trăm năm mươi

năm trăm chín mươi lăm

sáu trăm

sáu trăm linh một

sáu trăm linh sáu

sáu trăm mười sáu

sáu trăm sáu mươi

bảy trăm

bảy trăm linh hai

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

bảy trăm linh bảy

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm bảy mươi

tám trăm

tám trăm linh ba

tám trăm linh tám

tám trăm ba mươi tám

tám trăm tám mươi

chín trăm

chín trăm linh bốn

chín trăm linh chín

chín trăm bốn mươi chín

chín trăm chín mươi

một nghìn

một nghìn không trăm linh
một

một nghìn không trăm mười
hai

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

hai nghìn

hai nghìn không trăm linh hai

hai nghìn không trăm hai
mười ba

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

ba nghìn

ba nghìn không trăm linh ba

bốn nghìn

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

năm nghìn

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

sáu nghìn

bảy nghìn

bảy nghìn tám trăm chín
mười

tám nghìn

tám nghìn chín trăm linh một

chín nghìn

chín nghìn không trăm chín
mười

mười nghìn

mười nghìn không trăm linh
một

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

ba mươi nghìn ba trăm

bốn mươi bốn nghìn

một trăm nghìn

năm trăm nghìn

một triệu

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

sáu triệu

mười triệu

bảy mươi triệu

một trăm triệu

tám trăm triệu

một tỷ

chín tỷ

mười tỷ

hai mươi tỷ

một trăm tỷ

ba trăm tỷ

một nghìn tỷ

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

Czasowniki

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

przychodzić

myśleć

wiedzieć

znajdować

brać

kłaść

mówić

pracować

słuchać

pomagać

lubić

dawać

czekać

telefonować

kochać

zamykać

siedzieć

stać

wygrywać

przegrywać

otwierać

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

włączać coś

żyć

umierać

skaleczyć się

zabijać

wyłączać coś

pić

oglądać

dotykać

spotykać się

chodzić

jeść

podążać

pocałować

zakładać się

pytać

odpowiadać

poślubić

nacisnąć

pchać

ciągnąć

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

walczyć

łapać

uderzać

czytać

biegać

rzucać

liczyć

naprawiać

pisać

kupować

sprzedawać

ciąć

marzyć

uczyć się

płacić

obchodzić

grać

spać

strzelać

sprzątać

cieszyć się

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

kraść

atakować

bronić

latać

ratować

palić

gryźć

kopać

pluć

plakać

wąchać

oddychać

śmiać się

uśmiechać się

śpiewać

kłócić się

kurczyć się

rosnąć

ukrywać

karmić

dzielić się

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

skakać

pływać

ostrzegać

dostarczać

kopać

podnosić

podróżować

ćwiczyć

szukać

zamykać

otwierać

malować

gotować

modlić się

myć

cytować

krzyczeć

wymiotować

zarabiać

liczyć

drukować

Przymiotniki

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

mało

stary

nowy

poprawny

błędny

wiele

szczęśliwy

dobry

zły

mały

długi

krótki

młody

piękny

duży

czarny

biały

stary

zielony

niebieski

czerwony

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

szybki

wolny

żółty

sprawiedliwy

niesprawiedliwy

zabawny

bogaty

łatwy

trudny

słaby

silny

biedny

dumny

zmęczony

bezpieczny

zdrowy

chory

najedzony

wysoki

niski

gniewny

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

miękki

kwaśny

słodki

głupi

uroczy

twardy

wysoki

zajęty

zwariowany

zaskoczony

zmartwiony

niski

sprytny

zły

grzeczny

pomarańczowy

gorący

zimny

różowy

brązowy

szary

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

lekki

ciężki

nudny

spragniony

głodny

samotny

płaski

stromy

smutny

głęboki

szeroki

wąski

brudny

ogromny

płytki

pusty

pełny

czysty

seksowny

tani

drogi

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

hojny

odważny

leniwy

głośny

suchy

mokry

deszczowy

słoneczny

cichy

zachmurzony

mglisty

Sport

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

bieganie

tenis

gimnastyka

piłka nożna

golf

kolarstwo

nurkowanie

pływanie

koszykówka

triathlon

maraton

wędrówki piesze

boks

podnoszenie ciężarów

tenis stołowy

snowboarding

łyżwiarstwo figurowe

badminton

hokej na lodzie

biegi narciarskie

narciarstwo

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

siatkówka plażowa

piłka ręczna

siatkówka

baseball

krykiet

rugby

skoki do wody

piłka wodna

futbol amerykański

wioślarstwo

żeglarstwo

surfing

spadochroniarstwo

taniec

joga

kręgle

poker

szachy

balet

Zwierzęta

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

koń

krowa

świnia

małpa

owca

pies

kurczak

niedźwiedź

kot

pszczoła

motyl

kaczka

wąż

pająk

ryba

królik

mysz

tygrys

słoń

osioł

lew

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

komar

pluskwa

gołąb

wieloryb

mrówka

mucha

ślimak

delfin

rekin

niedźwiedź polarny

panda

żaba

kangur

koala

wilk

hipopotam

lis

żyrafa

łabędź

kruk

nietoperz

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

pingwin

sowa

mewa

ważka

gąsienica

papuga

konik morski

ośmiornica

kałamarnica

krab

meduza

foka

krokodyl

żółw

dinozaur

Kraje

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Ameryka

Azja

Europa

Hiszpania

Wielka Brytania

Afryka

Francja

Włochy

Szwajcaria

Singapur

Tajlandia

Niemcy

Izrael

Japonia

Rosja

Stany Zjednoczone Ameryki

Chiny

Indie

Chile

Kanada

Meksyk

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Południowa Afryka

Argentyna

Brazylia

Libia

Maroko

Nigeria

Egipt

Algieria

Kenia

Australia

Nowa Zelandia

Ciało

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

włos

nos

głowa

oko

ucho

usta

serce

stopa

ręka

pośladki

szyja

mózg

noga

kolano

ramię

biust

brzuch

ramię

język

ząb

plecy

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

palec u nogi

palec

warga

wątroba

płuco

żołądek

jelito

nerka

nerw

policzek

podbródek

czoło

mały palec

kciuk

broda

palec wskazujący

palec środkowy

palec serdeczny

kręgosłup

pięta

paznokieć

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

szkielet

kość

mięsień

pęcherz

kręg

żebro

pochwa

tętnica

żyła

jądro

penis

sperma

Dom

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

łazienka

kuchnia

drzwi

ogród

sypialnia

pokój dzienny

piwnica

ściana

garaż

dach

schody

toaleta

filiżanka

nóż

okno

kubek

talerz

szklanka

biurko

miska

kosz na śmieci

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xép

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

prysznic

lustro

łóżko

zegar

obraz

sofa

sąsiad

krzesło

stół

poddasze

balkon

winda

pałeczka

drewniana łyżka

komin

widelec

łyżka

sztućce

patelnia

garnek

chochla

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

zasłona

półka na książki

żarówka

koc

poduszka

materac

szafa

szuflada

półka

waga

miotła

wiadro

ręcznik kąpielowy

wanna

kosz na pranie

ręcznik

papier toaletowy

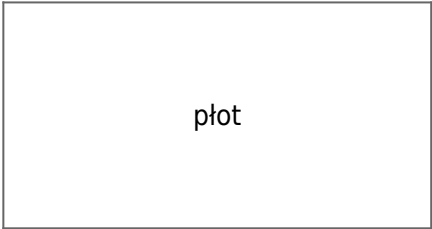
mydło

skrzynka na listy

drabina

umywalka

hàng rào



Jedzenie

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

mleko

ser

jajko

kość

mięso

ryba

cukier

chleb

olej

ciasto

cukierek

czekolada

herbata

kawa

woda

sałatka

wino

piwo

śniadanie

deser

zupa

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

pizza

kolacja

obiad

jogurt

masło

lody

szynka

łosoś

tuńczyk

mięso z indyka

kielbasa

boczek

wieprzowina

wołowina

kurczak

grzyb

dynia

jagnięcina

por

czosnek

trufla

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

batat

bakłażan

imbir

chili

ogórek

marchew

ziemniak

cebula

papryka

brokuł

kapusta

kalafior

bambus

szpinak

sałata

groch

seler

kukurydza

jabłko

gruszka

fasola

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dưa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

daktyl

figa

oliwka

orzech laskowy

migdał

kokos

mango

banan

orzech ziemny

ananas

awokado

kiwi

melon miodowy

winogrono

arbuz

truskawka

jagoda

malina

morela

śliwka

wiśnia

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

grejpfrut

cytryna

brzoskwinia

mięta

pomidor

pomarańcza

wanilia

cynamon

trawa cytrynowa

curry

pieprz

sól

ocet

tofu

tytoń

mąka

mleko sojowe

makaron

pszenica

owies

ryż

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

miód

orzech

soja

naleśnik

guma do żucia

dżem

muffinka

budyń

ciastko

sok pomarańczowy

napój energetyzujący

pączek

coca cola

koktajl lodowy

sok jabłkowy

rum

koktajl

gorąca czekolada

menu

wódka

whisky

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

sushi

spaghetti

owoce morza

skrzydełka z kurczaka

chipsy

popcorn

majonez

musztarda

frytki

hot dog

kanapka

keczup

burger

Szkoła

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

ngiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

zadanie domowe

biblioteka

książka

nauka

lekcja

egzamin

pisak

sztuka

historia

drugi

pierwszy

ołówek

badania

czwarty

trzeci

słownik

boisko

stopień naukowy

geometria

zeszyt

semestr

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

ba phần trăm

một trăm phần trăm

không phần trăm

mét khối

ekonomia

filozofia

polityka

matematyka

biologia

wychowanie fizyczne

chemia

literatura

geografia

gumka

linijka

fizyka

klej

taśma klejąca

nożyczki

3%

spinacz

długopis kulkowy

metr sześcienny

0%

100%

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

metr

mila

metr kwadratowy

decymetr

centymetr

milimetr

mnożenie

odejmowanie

dodawanie

objętość

powierzchnia

dzielenie

trójkąt

kwadrat

prostokąt

mililitr

litr

koło

gram

kilogram

tona

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

lejek

mikroskop

magnes

wykład

laboratorium

Natura

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

diament

ogień

popiół

gwiazda

Słońce

Księżyc

jezioro

wybrzeże

planeta

wzgórze

pustynia

las

dolina

rzeka

skała

ocean

wyspa

góra

śnieg

lód

morze

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lực địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

wiatr

deszcz

burza

róża

trawa

drzewo

gleba

metal

kwiat

piasek

węgiel

lawą

satelita

rakieta

glina

kontynent

asteroida

galaktyka

Biegun Północny

Biegun Południowy

równik

sưởi

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

jaskinia

las deszczowy

potok

lodowiec

wybrzeże

wodospad

wulkan

krater

trzęsienie ziemi

mgła

powódź

atmosfera

błyskawica

grzmot

tęcza

tajfun

temperatura

burza z piorunami

gałąź

chmura

huragan

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

pień

korzeń

liść

dwutlenek węgla

plastik

nasiono

tlen

żelazo

atom

srebro

złoto

Transport

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

pociąg

autobus

samochód

samolot

przystanek autobusowy

stacja kolejowa

rower

ciężarówka

statek

sygnalizacja świetlna

taksówka

motocykl

bateria

droga

parking

kierownica

poduszka powietrzna

silnik

bagażnik

opona

pas bezpieczeństwa

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

metro

kasa biletowa

automat biletowy

tramwaj

lokomotywa

pociąg szybkiej

lotnisko

minibus

autobus szkolny

klasa pierwsza

helikopter

linia lotnicza

kamizelka ratunkowa

klasa biznes

klasa ekonomiczna

statek wycieczkowy

łódź podwodna

kontener

prom

jacht

kontenerowiec

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

radar

łódź ratunkowa

port

stacja benzynowa

chodnik

latarnia

korek uliczny

przejście dla pieszych

plac budowy

koparka

czołg

autostrada

skuter

przyczepa

traktor

kolejka linowa

Miasto

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

dom

szkoła

szpital

supermarket

rynek

rachunek

gospodarstwo rolne

uniwersytet

apartament

bar

restauracja

kościół

toaleta

park

siłownia

policja

ambulans

mapa

przedmieście

kraj

straż pożarna

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

centrum handlowe

gwarancja

wioska

zamek

drapacz chmur

apteka

świątynia

synagoga

ambasada

ratusz

meczet

fabryka

klub nocny

fontanna

poczta

stadion piłkarski

pole golfowe

ławka

Informacja turystyczna

kort tenisowy

basen

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

muzeum

galeria sztuki

kasyno

akwarium

pamiątka

park narodowy

park wodny

kolejka górska

zjeżdżalnia wodna

wyjście ewakuacyjne

plac zabaw

ogród zoologiczny

posterunek policji

gaśnica

alarm przeciwpożarowy

kapitał

region

państwo

Szpital

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

operacja

pacjent

wypadek

kaszel

gorączka

pigułka

poczekalnia

oddział intensywnej terapii

izba przyjęć

data ważności

pigułka nasenna

aspiryna

efekt uboczny

syrop na kaszel

dawkowanie

kapsułka

proszek

insulina

antybiotyk

lek przeciwbólowy

witamina

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chuồn rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

atak serca

wirus

bakteria

udar

cukrzyca

biegunka

grypa

nowotwór

astma

ból gardła

oparzenie słoneczne

ból zęba

alergia

infekcja

ból brzucha

strzykawka

ból głowy

skurcz

ultrasonograf

zdjęcie rentgenowskie

kula

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

gips

wózek inwalidzki

plaster

nagły wypadek

zranienie

puls

złamanie

oparzenie

wstrząs mózgu

test ciążowy

pigułka antykoncepcyjna

Zawody

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

policjant

pielęgniarka

lekarz

detektyw

kapitan

prezydent

nauczyciel

profesor

pilot

asystent

sekretarka

prawnik

kucharz

menedżer

sędzia

model

kierowca autobusu

taksówkarz

farmaceuta

premier

artysta

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

przedsiębiorca

dentysta

strażak

stewardesa

programista

polityk

architekt

przedszkolanka

naukowiec

prokurator

konsultant

księgowy

gospodarz

ochroniarz

dyrektor zarządzający

żołnierz

ochroniarz

kelner

hydraulik

sprzątac

rybak

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhà nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

repcjonista

rolnik

elektryk

fryzjer

kasjer

listonosz

fotograf

dziennikarz

autor

muzyk

piosenkarz

ratownik

trener

reporter

aktor

sędzia

Biznes

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

stres

biuro

pieniądze

departament

personel

ubezpieczenie

list

adres

wynagrodzenie

adres mailowy

adres URL

numer telefonu

podpis

e-mail

strona internetowa

klient

zysk

strata

hasło

karta kredytowa

suma

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

pokój spotkań

podatek

bankomat

zasoby ludzkie

IT

wizytówka

marketing

rachunkowość

dział prawny

pracodawca

kolega

sprzedaż

prezentacja

notatka

pracownik

projektor

pieczętka

teczka

koperta

zaczek

paczka

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

giełda papierów
wartościowych

inwestycja

przeglądarka

odsetki

moneta

banknot

konto bankowe

numer konta

pożyczka

Urządzenia

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

aparat fotograficzny

telewizor

telefon

klimatyzacja

wentylator

radio

odkurzacz

toster

ekspres do kawy

zmywarka

czajnik

suszarka

mikrofalówka

piekarnik

kuchenka

pilot

pralka

lodówka

klawiatura

mysz

słuchawka

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

skaner

pamięć USB

twardy dysk

laptop

ekran

drukarka

głośnik

robot